

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 6-2018

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trường Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Hiến**

Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Thật** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thảo** -Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 719/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần T. N** - sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn T. Q** - sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần T. N trình bày:

Bà và ông Nguyễn T. Q tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N. Quá trình chung sống ít hạnh phúc do ông Q ham mê cờ bạc không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân hơn một năm nay. Đã nhiều lần bà tha thứ nhưng ông Q vẫn không thay đổi, nay bà không thể tiếp tục chung sống với ông Q được vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Q. Về con chung, bà và ông Q có 01 con chung là Nguyễn T.T - sinh ngày 18/11/2014, bà yêu cầu được nuôi con chung không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung. Bà N không yêu cầu giải quyết tài sản chung.

Theo bản tự khai ngày 27/12/2017, bị đơn ông Nguyễn T. Q trình bày:

Ông và bà N cưới nhau được 05 năm, có 01 con chung là Nguyễn T T - sinh năm 2014. Thời gian sống với nhau, gia đình không có chuyện gì, vợ chồng vẫn hòa thuận, con thì ở với bà nội nuôi. Nhưng năm vừa rồi ông làm ăn nợ nần nên phải đi Sài Gòn, bà N ở nhà bồng con về ngoại ở và làm đơn yêu cầu ly hôn mà không có ý kiến của ông. Nay ông không đồng ý ly hôn vì ông còn tình cảm với vợ con. Nếu bà N nhất định yêu cầu được ly hôn thì con chung ông yêu cầu được nuôi, tài sản chung thì không có gì.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn T. Q được triệu tập vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng: Về quan hệ hôn nhân, tại phiên tòa nguyên đơn bà N yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Q được vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn T. T - sinh ngày 18/11/2014 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên căn cứ theo quy định tại Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của nguyên đơn. Về tài sản chung, bà N không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng: Bà Trần T. N yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn T. T - sinh ngày 18/11/2014 với ông Nguyễn T. Q nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn T. Q vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông Q tự nguyện chung sống, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 15/3/2013 nên Tòa công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Trần T. N và ông Nguyễn T. Q là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, theo lời trình bày của nguyên đơn là do ông Q ham mê cờ bạc không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân hơn một năm nay. Theo lời trình bày của ông Q thì gia đình không có

chuyện gì, vợ chồng vẫn hòa thuận, con thì ở với bà nội nuôi. Nhưng lời khai của bị đơn là có việc do làm ăn nợ nần nên năm rồi phải đi Sài Gòn phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn về việc cả hai đã ly thân với nhau.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn T. Q được triệu tập vắng mặt, việc vắng mặt của ông là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không thể hiện mong muốn, nguyện vọng được hàn gắn.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của bà N, ông Q thể hiện “Sau khi bà N, ông Q kết hôn, sinh con thì ông Q ham chơi, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Bà N khuyên can mà ông Q không thay đổi mà tiếp tục cờ bạc. Hơn 06 tháng nay thì bà N về cha mẹ ở N sinh sống. Hiện nay cả hai không còn chung sống với nhau”.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa bà Trần T. N và ông Nguyễn T. Q không còn, đời sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần T. N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà N, ông Q có 01 con chung là Nguyễn T. T - sinh ngày 18/11/2014. Bà N trình bày hiện nay bà là người đang trực tiếp nuôi con chung nên yêu cầu được nuôi con chung. Tại bản tự khai, ông Q thể hiện yêu cầu được nuôi con chung nhưng tại phiên tòa, ông Q không có mặt tại Tòa án để thực hiện quyền yêu cầu về việc nuôi con chung là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ về yêu cầu trực tiếp được nuôi con chung của mình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và để đảm bảo cho cháu T có đủ điều kiện tốt. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần giao cháu Nguyễn T T - sinh ngày 18/11/2014 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và bảo đảm được quyền lợi cho cháu là hợp lý.

Ông Nguyễn T. Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xét không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung. Theo bản tự khai của bị đơn thể hiện tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Quan điểm nói trên của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định trên của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Trần T. N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, 147, 227, 264, 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Bà Trần T. N được ly hôn với ông Nguyễn T. Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn T. T - sinh ngày 18/11/2014 cho bà Trần T. N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn T. Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí: Bà Trần T. N phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003452 ngày 27/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã N.
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Trường Hải